

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 567/2025/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Việt Tuấn.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

Địa chỉ: Lầu D, Số C đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983

- Ông Lê Nhất T1, sinh năm 1995,

- Ông Thạch Trung H, sinh năm 1996,

- Bà Lâm Vũ Từ N, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Lầu D, Số C đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(xin vắng mặt)

(Giấy uỷ quyền số 1422/2024/GUQ-TPB.DR lập ngày 04/11/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2).

2. Bị đơn:

- Ông Bùi Phạm Quang A, sinh năm 1988;
- Bà Đặng Tuyết N1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Căn hộ A Chung cư M, Đường số A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có Người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 05/4/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV với nội dung:

- Số tiền cho vay: 250.000.000 đồng.

- Thời hạn: 60 tháng.

- Lãi suất: 3 tháng đầu là 7,6%/năm. Áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 12/4/2025: điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất FTP bán vốn 3 tháng của T3 cộng biên độ 2%/năm. Áp dụng cho thời gian còn lại: điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 12,1%/năm.

Ngày 17/9/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 với nội dung:

- Số tiền cho vay: 1.440.000.000 đồng.

- Thời hạn: 300 tháng.

- Lãi suất: 3 tháng đầu là 6,9%/năm. Áp dụng từ tháng thứ 4 đến tháng thứ 120: điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất FTP bán vốn 3 tháng cộng biên độ 1,5%/năm. Áp dụng cho thời gian còn lại: điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm thường dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5%/năm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/10/2017 và Đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm ngày 22/3/2021 với nội dung:

- Loại thẻ: Thẻ tín dụng T3.

- Hạn mức: 200.000.000 đồng.

Ngày 17/9/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số

284/2021/HDBD/Q3/01, số công chứng 007804, quyền số 09/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là: Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số A11-03/HĐMB/2016 ký ngày 30/12/2016 giữa Công ty TNHH T4 và kinh doanh nhà An P và ông Phan Tuấn S, căn hộ số 03, tầng A, khối A, diện tích thông thuỷ là 57,60m² thuộc Chung cư M tại Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cùng các phụ lục, mẫu biểu, trích lục bản đồ đính kèm Hợp đồng mua bán, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 006063, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/7/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Phan Tuấn S và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Xác nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH T4 ngày 15/9/2021.

Ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 221.434.108 đồng, trong đó: tiền gốc là 88.755.035 đồng, tiền lãi là 132.679.073 đồng.

Tổng dư nợ của ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 tính đến ngày 22/9/2025 là 2.966.252.363 đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.601.244.965 đồng, lãi trong hạn là 593.516.958 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 199.195.557 đồng, phí trả nợ trước hạn là 38.296.034 đồng và Thẻ tín dụng là 533.998.849 đồng.

Ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 2.966.252.363 đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.601.244.965 đồng, lãi trong hạn là 593.516.958 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 199.195.557 đồng, phí trả nợ trước hạn là 38.296.034 đồng và Thẻ tín dụng là 533.998.849 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 còn phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thoả thuận tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021 và Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng là: Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ

số A11-03/HĐMB/2016 ký ngày 30/12/2016 giữa Công ty TNHH T4 và kinh doanh nhà An P và ông Phan Tuấn S, căn hộ số 03, tầng A, khối A, diện tích thông thuỷ là 57,60m² thuộc Chung cư M tại Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cùng các phụ lục, mẫu biểu, trích lục bản đồ đính kèm Hợp đồng mua bán, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 006063, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/7/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Phan Tuấn S và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Xác nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH T4 ngày 15/9/2021.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

- Bị đơn là ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-DS ngày 29/7/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 256/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025; Giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp lời khai, chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 trả tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/10/2017 và Đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm ngày 22/3/2021. Đây là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/10/2017 và Đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm ngày 22/3/2021 giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 với bị đơn là ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 thể hiện ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 tổng số tiền 1.690.000.000 đồng và mở thẻ tín dụng hạn mức 200.000.000 đồng.

Đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, có thoả thuận lãi suất theo đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017. Ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 2.966.252.363 đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.601.244.965 đồng, lãi trong hạn là 593.516.958 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 199.195.557 đồng, phí trả nợ trước hạn là 38.296.034 đồng và nợ Thẻ tín dụng là 533.998.849 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 còn phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thoả thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021 và Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ:

Yêu cầu này của nguyên đơn đã được các bên thoả thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021, Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/10/2017 và Đề nghị thay đổi hạn mức thẻ, loại thẻ tín dụng và tài sản bảo đảm ngày 22/3/2021, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số A11-03/HĐMB/2016 ký ngày 30/12/2016 giữa Công ty TNHH T4 và Kinh doanh nhà An P và ông Phan Tuấn S, căn hộ số 03, tầng A, khối A, diện tích thông thủy là 57,60m² thuộc Chung cư M tại Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cùng các phụ lục, mẫu biểu, trích lục bản đồ đính kèm Hợp đồng mua bán, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 006063, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/7/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Phan Tuấn S và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Xác nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH T4 ngày 15/9/2021:

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 284/2021/HDBD/Q3/01, số công chứng 007804, quyền số 09/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 phù hợp với quy định tại Điều 117, khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên có hiệu lực pháp luật.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 phải chịu chi phí tố tụng. Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền 30.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. H1 lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 68; khoản 4 Điều 74; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 117; khoản 1 Điều 119; Điều 157; Điều 158; Điều 299; Điều 323, Điều 365, Điều 368, Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

1.1. Buộc bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là 2.966.252.363 (hai tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi ba) đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.601.244.965 đồng, lãi trong hạn là 593.516.958 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 199.195.557 đồng, phí trả nợ trước hạn là 38.296.034 đồng và nợ Thẻ tín dụng là 533.998.849 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 còn phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thoả

thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay từng lần số 09.TPB.Q3.HDCV ngày 05/4/2021 và Hợp đồng cho vay từng lần số 284/2021/HDTD/Q3/01 ngày 17/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.3. Trường hợp ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng là: Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số A11-03/HĐMB/2016 ký ngày 30/12/2016 giữa Công ty TNHH T4 và kinh doanh nhà An P và ông Phan Tuấn S, căn hộ số 03, tầng A, khối A, diện tích thông thủy là 57,60m² thuộc Chung cư M tại Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cùng các phụ lục, mẫu biểu, trích lục bản đồ đính kèm Hợp đồng mua bán, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 006063, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/7/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Phan Tuấn S và ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Xác nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH T4 ngày 15/9/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2.

2. Về Chi phí tố tụng: Bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 91.325.047 (chín mươi một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi bảy) đồng.

H1 lại cho Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.408.711 (ba mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm mười một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030330 ngày 11/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) thì người được

thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022).

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần T2, ông Bùi Phạm Quang A, bà Đặng Tuyết N1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10, TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thắng

